TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24-4-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Minh Khánh

Bà Nguyễn Thị Bích

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Hà Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2023/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2023/QĐ-ST ngày 03/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24/3/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Mạc Thị H, sinh ngày 26/7/1984 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ: Xóm 3, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Anh Tạ Đình L, sinh ngày 04/12/1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Hiện lao động tại nước ngoài, không rõ địa chỉ).

Địa chỉ cuối cùng của anh L tại Việt Nam: Thôn L, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Mạc Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn chị và anh L được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân. Khi cưới được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục

của địa phương, có đăng ký kết hôn ngày 24/9/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về nhà anh L làm dâu và chung sống hòa thuận. Chung sống hòa thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, chị cùng cháu H chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Trong thời gian mâu thuẫn anh, chị nhiều lần nói chuyện với mong muốn tiếp tục chung sống để chăm sóc con nhưng do bất đồng quan điểm quá lớn nên không có kết quả. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị xác định không còn tình cảm nên không về đoàn tụ được. Năm 2021 anh L đi lao động tại Đài Loan, việc anh L đi Đài Loan không hề bàn bạc gì với chị. Kể từ tháng 01/2017 đến nay chị và anh L không ai còn quan tâm đến nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Tạ Đình L.

Về con chung: Chị và anh L có 02 con chung là cháu Tạ Thị N, sinh ngày 19/8/2003 và cháu Tạ Thị H, sinh ngày 28/9/2007. Hiện nay cháu Ngọc đã trưởng thành nên không đề nghị giải quyết, cháu H đang sinh sống cùng chị. Sau khi ly hôn đề nghị giao cháu H cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Tạ Đình L là bị đơn không có mặt tại địa phương, không gửi văn bản giấy tờ, tài liệu về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Tại bản tự khai ngày 20/02/2023 và 02/3/2023, ông Tạ Quang V là bố đẻ anh Tạ Đình L cung cấp:

Về hôn nhân: Anh L, chị H được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị H về nhà ông làm dâu và chung sống hòa thuận. Anh, chị chung sống hòa thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, chị H cùng cháu H về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh, chị nói là do bất đồng quan điểm sống. Ông có khuyên bảo anh, chị nhưng không được. Năm 2021 anh L đi lao động tại Đài Loan.

Về con chung: Anh, chị có 02 con chung là cháu Tạ Thị N, sinh ngày 19/8/2003 và cháu Tạ Thị H, sinh ngày 28/9/2007. Hiện nay cháu N đã trưởng thành, cháu H đang sinh sống cùng chị H.

Ngoài ra, trước khi đi lao động tại Đài Loan anh L sinh sống cùng gia đình ông tại Thôn L, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi sang Đài Loan anh L vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Ông đã thông báo cho anh L biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý giải quyết vụ án xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung giữa chị H và anh L, anh L cho biết: Anh và chị H không còn tình cảm với nhau, không nói chuyện, không quan tâm nhau gần 06 năm nên anh đồng ý ly hôn chị H. Do anh đi lao động tại nước ngoài không đảm bảo nuôi con nên anh đồng ý giao con chung cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh không cung cấp địa chỉ nơi làm việc, nơi ở và ý kiến bằng văn bản cho Tòa án được. Anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Cháu Tạ Thị H trình bầy: Hiện nay cháu đang sinh sống cùng mẹ và ông, bà ngoại. Cháu được mẹ và ông bà ngoại chăm sóc đầy đủ cả về vật chất và tinh thần. Hiện nay bố cháu đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài không có thời gian chăm sóc cháu, nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu muốn ở cùng mẹ và ông, bà ngoại.

Tại phiên tòa, Chị Mạc Thị H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Tạ Đình L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Mạc Thị H; Bản tự khai của ông Tạ Quang V là bố đẻ anh Tạ Đình L và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với bị đơn. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTBVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mạc Thị H.

Xử cho chị Mạc Thị H được ly hôn anh Tạ Đình L.

Về con chung: Do anh L hiện nay đang đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Tạ Thị H, sinh ngày 28/9/2007 cho chị Mạc Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Mạc Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Chị H khởi kiện xin ly hôn anh L và yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Đây là vụ án "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiên xin ly hôn và các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện chị H cung cấp hiện nay anh L đi lao động nước

ngoài, chị không có địa chỉ cụ thể của anh L ở nước ngoài, chị đề nghị Tòa án thu thập địa chỉ của anh L ở nước ngoài thông qua người thân của anh L, địa chỉ của anh L khi ở Việt Nam ở Thôn L, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Tại Công văn số 4827/QLXNC-P5 ngày 10/3/2023 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an cung cấp, anh Tạ Đình L, sinh ngày 04/12/1982 đã xuất nhập cảnh 04 lần, xuất cảnh gần đây nhất ngày 06/5/2021, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do đó, anh L được xác định là đang ở nước ngoài. Mặt khác, gia đình anh L (ông Tạ Quang Vương là bố đẻ anh L) không cung cấp địa chỉ cụ thể của anh L ở nước ngoài, anh L là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang. Do vụ án có một bên đương sự ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt đương sự:

[3.1] Về sự vắng mặt của nguyên đơn: Chị Mạc Thị H là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H.

[3.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Căn cứ lời khai của nguyên đơn và ông Tạ Quang Vượng (bố đẻ anh L) Tòa án xác định được nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh của anh L ở Việt Nam là: Thôn L, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho anh L thông qua gia đình và đề nghị gia đình anh L thông báo cho anh L biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ giải quyết vụ án "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" giữa chị Mạc Thị H và anh Tạ Đình L. Ông V cho biết anh L vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng anh L không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của anh L tại Đài Loan. Nhận thấy, đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cần tống đạt cho bị đơn và xử vắng mặt bị đơn theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Mạc Thị H và anh Tạ Đình L kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 24/9/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng chị H, anh L phát sinh mâu thuẫn, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Tạ Đình L.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Mạc Thị H với anh Tạ Đình L. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị H và anh L chung sống hòa thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị H cùng con chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ đó cho đến nay. Trong thời gian mâu thuẫn anh, chị chủ động nói chuyện để hàn gắn tình cảm nhưng không được. Khi hai bên gia đình biết chuyện có khuyên bảo nhưng cũng không được. Kể từ tháng 01/2017 đến nay vợ chồng chị H, anh L không còn liên lạc, quan tâm đến nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Mặt khác anh L hiện đang sinh sống và lao động ở nước ngoài, vợ chồng sống xa cách

nhưng cũng không liên lạc hỏi thăm nhau từ năm 2017 đến nay. Như vậy, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên có căn cứ Điều 51, Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, xử cho chị H và anh L được ly hôn là có căn cứ, cũng như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

[5]. Về nuôi con chung: Chị H và anh L có 02 con chung là cháu Tạ Thị N, sinh ngày 19/8/2003 và cháu Tạ Thị H, sinh ngày 28/9/2007. Hiện nay con chung đang sinh sống cùng chị H và do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do cháu N đã trưởng thành nên chị không yêu cầu giải quyết, đối với cháu H chị H yêu cầu Tòa án giao cháu H cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị H, Hội đồng xét xử thấy: Anh L đang lao động tại nước ngoài không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Con chung từ khi anh L đi lao động nước ngoài vẫn do chị H trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, con chung phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Cháu H trên 07 tuổi có nguyện vọng ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Nên căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị H đối với yêu cầu giao cháu H cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với điều kiện thực tế cũng như quyền lợi mọi mặt của con chung và nguyện vọng của cháu H.

Đối với cháu Tạ Thị N do đã trưởng thành chị H không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn anh Tạ Đình L có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Trường hợp anh Tạ Đình L về nước sinh sống, có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[6]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về tài sản, công nợ: Do chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8]. Về án phí: Chị Mạc Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[8]. Về quyền kháng cáo:

[8.1] Chị Mạc Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng hiện đang ở Việt Nam, nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[8.2] Anh Tạ Đình L vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đang ở nước ngoài nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn là 01 tháng kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử:

1. Về hôn nhân: Chị Mạc Thị H được ly hôn anh Tạ Đình L.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Tạ Thị H, sinh ngày 28/9/2007 cho chị Mạc Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, anh Tạ Đình L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Mạc Thị H phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000868 ngày 16/02/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Mạc Thị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Mạc Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Anh Tạ Đình L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
-UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang;
-Cổng thông tin điện tử TAND;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án;
-Lưu Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hoàng Thị Thu Hiền